

# Mùa Cây Trái

## • Thích Như Điển

Đức Phật thường dạy rằng: „nhân nào quả đó”; „gieo gió gặt bão”; „nhân thiện quả thiện, nhân ác quả ác”; hoặc ông bà mình cũng có câu tục ngữ: „ăn cây nào rào cây ấy”; „ăn quả nhớ kẻ trồng cây”; „uống nước nhớ người đào giếng”; v.v... Nếu nói cho hết những ca dao, tục ngữ, ngạn ngữ của Việt Nam và Phật Giáo, chắc phải cần đến cả một quyển Tự Điển dày mấy trăm trang mới diễn tả hết được những ý tứ sâu sắc của từng sự việc mà người xưa không muốn nói dông dài, chỉ tóm gọn trong 5 hay 10 chữ là đủ để nói lên việc muốn nói, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng như thường.

Không riêng gì dân tộc Việt Nam chúng ta có những tục ngữ, phong dao, ngạn ngữ ấy mà cả người Trung Hoa, người Nhật, người Đức, người Pháp, người Anh cũng đều có những loại ngôn ngữ như thế. Nếu một người ngoại quốc nào học một ngoại ngữ mà có thể xử dụng thành thục những phong dao, tục ngữ, cách ngôn của tiếng địa phương ấy, tức là người ngoại quốc đó nói ngôn ngữ ấy giỏi rồi, sẽ được người địa phương khen ngợi và hàm ý rằng: „Kẻ ấy là người đáng quý, vì hiểu được bản tính dân tộc của mình”. Nếu một người ngoại quốc, học một ngoại ngữ mà nói không đúng văn phạm hoặc phát âm sai, thì người địa phương ấy sẽ cười. Do vậy nếu ta có cơ hội tìm hiểu một dân tộc; nên đi sâu vào ngôn ngữ và phong tục của dân tộc ấy.

Hôm nay tôi không muốn trình bày với quý vị về phạm trù ngôn ngữ, vốn đa dạng ấy; mà chỉ muốn diễn tả „một niệm tri ân” qua ngôn ngữ đối với những công việc bình thường trong cuộc sống hằng ngày. Thông thường ai trong chúng ta trong hiện tại cũng tất bật với công việc ở sở, ở nhà, ở trường. Công việc xong lo về nhà tắm rửa, xem truyền hình, hỏi han qua loa vợ con, rồi ăn uống, đọc báo và sau đó là ngủ nghỉ để bồi dưỡng sức khỏe cho ngày hôm sau với công việc, trách nhiệm và bổn phận của mình; nhằm tạo cho mình một chỗ đứng, giữ vững chỗ làm. Có như thế mới đảm bảo kinh tế gia đình, để nuôi vợ nuôi con và lo những chuyện vặt vãnh khác. Khi có tiền người ta có thể mua „nước”, mua „gạo”, mua „danh”, mua „địa vị”, v.v... đâu cần hiểu và nghĩ về làm gì cho mệt óc đối với những người làm cho ta có cái ăn, cái mặc; vì lẽ thời giờ không cho phép. Đây là lý do chính của cuộc sống hôm nay chẳng ?

Riêng tôi chắc có một vài điểm khác. Vì lẽ tôi được sinh ra tại miền quê của xứ Quảng, nơi có ruộng đồng, cỏ dại. Nơi ấy có con trâu đi cày, có người đàn bà cấy mạ, có thợ gặt khi mùa tới. Có con sông Thu Bồn hiền hòa chảy qua cầu Cầu Lâu dẫn xuống Phố Hội, mà ngày xưa xưa ấy tôi đã theo cha mình đi trên những chiếc thuyền nan xuôi về Phố Hiến, nằm giữa trên sành ghe để xem trên trời có mấy vì sao và vào Hội An để thưởng thức những tô Cao Lầu, mùi thơm nghi ngút bốc khói. Những kỷ niệm ấy 50 năm về trước, bây giờ đã qua rồi. Hội An ngày nay là địa điểm du lịch nổi tiếng của cả nước và đa phần là khách ngoại quốc đến viếng thăm, ai ra về cũng vừa ý. Nhưng không biết tô Cao Lầu có còn mùi vị như xưa không và chắc chắn những con đường làng quê bây giờ đã tráng xi-măng và lát gạch chứ không còn nhầy nhựa như thuở nào và người thợ cày, thợ cấy ngày nay có nhàn rỗi hơn những ngày trước chăng?

Xa rồi một thời vang bóng; nhưng chắc rằng cái ăn, cái mặc không khác mấy khi con người đã có mặt trên quả địa cầu này. Dẫu cho khoa học có tiến bộ bao nhiêu đi chăng nữa thì người ta cũng cần phải ăn uống mới sống được. Đặc biệt những kẻ đã chứng đạo hoặc chứng sanh cao hơn cõi người thì không cần đề cập đến; chứ những chúng sanh từ cõi người trở xuống chắc chắn cần phải „có thực mới vực được đạo”. Ở đây tôi không bàn về việc ẩm thực mà như trên có nói là: **một niệm tri ân**. Riêng chữ Hán có thể nói là cảm niệm tri ân (感念知恩). Nói gọn là cảm ân hay cảm ơn. Chữ cảm ơn của Việt Nam chúng ta là nói trại từ 2 chữ cảm ân đó. Nếu phân tích ra thì cả 2 chữ đều có bộ tâm ở phía dưới. Ở đây ý nói việc ấy liên quan đến lãnh vực tinh thần.

Chữ Cảm (感) gồm chữ hàm (咸) ở trên và bộ tâm ở dưới. Chữ hàm có nghĩa là khắp cả, đều hết. Cái tâm mà biến đều khắp nơi thì gọi là cảm. Cảm đây cũng có nghĩa là „cảm hóa” đến mọi loài và mọi người.

Còn chữ Ân (恩) ở trên có bộ nhơn hay chữ nhơn. Có nghĩa là nguyên nhơn, nhơn tố lúc ban đầu, mà nguyên nhơn ấy qua cái tâm biểu hiện lại trở thành ân nghĩa nghìn trùng.

Còn chữ Niệm (念) có nghĩa là nhớ nghĩ đến, mà nhớ nghĩ ngay bây giờ qua cái tâm ấy liên tưởng đến.

Chữ Tri (知) gồm có bộ thi, tức là mũi tên và

bộ khẩu tức là cái miệng. Cái miệng con người phát ngôn ra lời nói nhanh như mũi tên và mũi tên ấy sẽ mang đến cho chúng ta cả điều lợi lẫn điều hại; nếu chúng ta không biết kiểm soát qua cái tâm của mình. Do vậy mà cái niệm tri ân nó bao gồm những ý nghĩa sâu xa như thế đối với bất cứ một lãnh vực nào thuộc về trong đời sống của mình.

Ở trong chùa Nhựt tôi thường được nghe dạy rằng: Bao giờ cũng phải có cái niệm tri ân ấy đối với mọi người và mọi vật ở chung quanh ta. Ta phải nên nói: „Hai” nhiều hơn nói „jie”. Nói „Yes” nhiều hơn nói „No”. Nói „Oui” nhiều hơn nói „Non”; nói „Tui” nhiều hơn nói „Butui”; nói „Ja” nhiều hơn nói „Nein”, v.v... dẫu cho ngôn ngữ nào đi chăng nữa thì nó cũng biểu hiện cái đức tính khiêm cung, cần mẫn, lễ độ của người cho cũng như kẻ nhận trong vấn đề này mà thôi. Trong trường hợp này nếu có người nào đó đến xin ta một món tiền mà trong túi ta thật tình không có. Nếu ta nói „Yes” phải tính sao đây? Dĩ nhiên không phải là lỗi bí. Nếu người tu theo hạnh bố thí, thì ta có thể đi mượn tiền để cho; hoặc giả hứa cúng và khi nào có tiền thì ta sẽ cúng vào. Việc ấy không muộn. Trong khi đó, nếu người không sẵn sàng nói „Yes” mà chỉ sẵn sàng nói „No” thì dẫu cho trong ngân hàng của người ấy có bạc vạn đi chăng nữa, họ cũng vẫn chưa sẵn sàng để bố thí, vì tâm họ chưa phát. Tôi học cách nói „Yes” để tâm mình lúc nào cũng sẵn sàng cho mọi lễ sống trong cuộc đời. Dĩ nhiên đôi khi cũng cần phải nói „No”, không phải để bảo vệ cái tự ngã của mình mà phải biết kiểm soát lòng tử bi của mình phải qua sự sàng lọc của trí tuệ, lúc ấy sự hành xử mới có thể gọi là tương đối được.



Trời mùa Đông ở Âu Châu, đặc biệt là ở nước Đức rất lạnh. Nếu ai muốn trồng một cây nào đó, dĩ nhiên là phải chăm sóc thật kỹ và phải dưỡng

nuôi ở trong phòng khách hay nhà kiếng. Còn trồng cây ăn trái Á Châu tại xứ Đức này phải nói rằng phải trải qua nhiều mùa mưa nắng và rút tía kinh nghiệm mới có thể làm cho cây xanh và ra trái đúng mùa được. Nếu không biết canh chừng thời tiết thì chỉ có uổng công gieo giống; nhưng sẽ không bao giờ gặt được kết quả nào. Ở đây tôi muốn cảm ơn công khó của Bác Sáu, Bác Hoàn, anh Thiện Lượng, anh Dũng, Bác Minh Tôn và những người trực hay gián tiếp khác đã tạo nên cây cảnh và cây trái vườn chùa Viên Giác tại Hannover trong những năm tháng qua.

Đặc biệt là Bác Sáu đã chăm sóc vườn chùa từ năm 1990 đến nay, kể cũng đã 16 năm rồi còn gì nữa. Ngày xưa khi Bác gái còn sống thì hai Bác vẫn đi chùa. Bác gái lo bếp núc, bánh trái bên trong, thì Bác trai lo vun xới liếp rau hay tưới bầu, tưới bí bên ngoài vườn. Ngày nay Bác gái đã ra đi và Bác trai vẫn tiếp tục công việc của mình. Đây cũng là một việc cần phải xử dụng chữ tâm nhiều lắm.

Tôi để ý vào những ngày cuối tháng 3 dương lịch là Bác đã sấm se những hạt bầu, hạt khổ qua đem ra ương vào trong những chậu nhỏ đặt gần sưởi ở trong phòng. Chừng vài tuần sau thì cây bầu, cây khổ qua con đã bắt đầu vươn lên khỏi mặt đất. Bác dưỡng cho cây bầu và cây khổ qua cả tháng tư, nhiều khi đến cuối tháng 5, sau khi lễ Phật Đản, Bác mới xuống bầu và xuống khổ qua. Trồng bầu và khổ qua tại xứ này công phu lắm. Nghĩa là sáng viếng chiều thăm mới mong cho cây lên cao được. Nếu chỉ bỏ thí cho đất trời thì chỉ có lợi cho loài sâu bọ mà thôi.

Trước khi xuống bầu vào vạt đất chính phía sau chùa, Bác xem trời, trăng và đoán thăm để biết ngày tháng cho hoa, kết trái; hoặc giả xem chừng thử thời tiết có trái gió trở trời gì chẳng. Đoạn Bác che những gốc bầu và gốc khổ qua lại, sợ đêm xuống sương lạnh sẽ làm cho gốc bầu bị chết lạnh đi. Bác nuông chiều cây bầu và cây khổ qua như người mẹ cho con bú mớm ở tuổi mới lọt lòng. Bác quan sát từng tọt bầu quăn vào những thanh tre nhỏ để bò lên giàn, Bác diu cây bầu lên giàn như diu những đứa con đầu đời của mình đi vào cuộc sống mới. Khi bầu và khổ qua đã bám rễ nơi đất thì Bác bắt đầu cho phân và giục bầu phát triển nhanh hơn theo bí quyết và kinh nghiệm riêng của mình. Đố ai biết được tại sao có nhiều người trồng khổ qua và bầu chỉ ra toàn là lá; hoặc nếu có cũng chỉ vài quả thôi. Riêng Bác Sáu, bầu chưa lên giàn đã có trái và trái thật là sai. Đây là bí quyết của Bác. Nếu quý vị nào cần trồng bầu thì xin hỏi riêng Bác, chứ tôi

không giải thích chung ở đây được. Rồi khi bầu nở bông và nở hoa, quý Bác là người làm mai mối cho chúng, thay vì ong bướm làm nhiệm vụ này. Nhiều khi tôi nghĩ: Cây cỏ vốn vô tình; nhưng chúng cũng có sự sống đấy chứ. Cùng trong một dây bầu, mà có cả nhụy đực lẫn nhụy cái và chúng lại xen đan vào nhau để tạo ra những chủng tử của bầu con. Từ đó ta nghiệm thấy con người cũng vậy. Trong mỗi con người của chúng ta đều mang 2 tính chất song hành. Đó là nam tính và nữ tính. Nếu người nào nam tính mạnh hơn thì tính người nam trở thành một người nam lịch lãm. Còn người nào nữ tính mạnh hơn thì cái nữ quyền sẽ lãnh đạo thân cũng như tâm của người ấy. Do vậy Phật nói trong kinh Hoa Nghiêm thuyết „trùng trùng duyên khởi“ là vậy. Vì trong cái này lại có cái kia và trong cái kia lại có cái nọ. Cái này sanh thì cái khác diệt và diệt chỗ này lại sanh chỗ kia. Cứ thế mà tạo vật biến đổi không cùng.

Năm nay (2006) từ tháng 6 đến tháng 8 ba giàn bầu của chùa Viên Giác thu hoạch không dưới 300 trái. Có loại ăn, cúng trai tăng; có loại phát hành, có loại là tặng phẩm cho những người làm công quả. Hầu như mỗi nấc ra một trái; trái đầu mà trái lạ thường; quả bầu xinh xinh dễ ngắm mà trông ra ai cũng thích. Tuy vị của bầu không ngon gì và cũng khó nấu; nhưng nó là dòng giống của quê hương từ Á Châu xa xôi mang đến; nên ai cũng muốn nếm vị của bầu. Trong khi đó những người Đức qua lại xem bầu cũng trầm trồ; nhưng chẳng biết gọi đây là quả gì? Vì xứ Đức này không có giống quả ấy. Tôi bảo họ đây là Zucchini của Á Châu. Dĩ nhiên nó có tên khoa học riêng của nó; nhưng giải nghĩa đến bao giờ thì người Đức mới hiểu được điều này.

Bác Sáu biết cắt đọt bầu chỗ nào và lúc nào và bao giờ thì bầu sẽ ra trái. Còn tôi nhìn vào thì chỉ thấy dây nào cũng giống như dây ấy thôi, làm sao mà cắt chỗ này bỏ chỗ kia cho đàn đực. Quả là kỳ công của người làm vườn là vậy. Câu chuyện chưa chấm dứt ở đây; tôi sẽ đưa quý vị lần lượt đi xem hết rau cải, rau quả vườn chùa Viên Giác để nói lên tấm lòng tri ân đối với Bác cũng như với đất trời vạn vật đã mang chất liệu sống đến cho con người từ „đất mẹ“ mà ra. Thật thế, tất cả đều từ đất, đất đã cho ta đồ ăn như rau, quả, lúa, gạo, đậu, mè, táo, lúa mì, cây cối v.v... và nước cũng như phân bón đã giúp cho cỏ cây được tồn tại với thời gian năm tháng.

Trồng khổ qua còn cực khổ hơn là trồng bầu nữa. Vì thân khổ qua quá yếu mềm như những

công nương nơi vương phủ. Do vậy mà Bác Sáu càng phải chiều chuộng nhiều hơn nữa. Nào là ngắm tới ngắm lui, bắt qua chỗ này, chận chỗ kia lại cho tướt, cho mầm, cho nụ không làm khổ lụy cho nhau. Thật là một kỳ công vậy. Nếu bầu cần nhiều nước, thì khổ qua cần ít nước hơn. Chứ khổ có nghĩa là cực khổ mà cũng có nghĩa là đắng cay; chứ qua có nghĩa là dưa. Khổ qua có nghĩa là dưa đắng. Người ta dịch tiếng Đức là Bittermelone cũng không sai với nguyên ngữ của nó là bao. Có người nghe theo âm và liền hiểu rằng: Nếu ăn dưa này thì sự khổ sẽ qua đi. Do vậy có nhiều người thích ăn; nhưng đồng thời cũng có nhiều người ăn không được. Vì đắng quá! Ai trong đời này mà chẳng mong sự khổ sớm qua đi; nhưng điều ấy còn lệ thuộc bởi nhơn duyên và nghiệp lực nữa. Nếu không bị ràng buộc vào nhân duyên thì hóa ra nhân quả của nhà Phật không đúng sao?

Năm nay (2006) khổ qua không được mùa mấy. Ngược lại bầu và bí rợ (bí sấp) thì quá được mùa. Đến nỗi nhiều người đến thăm chùa và ra viếng cảnh thấy cây cảnh liền nói: „Bầu Bác Sáu năm nay sai trái dữ ha!“ quả là câu nói vô tình; nhưng cũng vui vui và có người còn nói: „Thôi thì gọi Bác Sáu Bầu cho nó tiện thay vì nói Bác Sáu Lầu như xưa nay“. Vì lẽ Bác trồng bầu cho chùa đã vào hàng thượng nhơn, chuyên nghiệp.

Bí rợ tiếng Hán gọi là Đông qua; có lẽ loại bí (dưa) này đến từ phía Đông. Còn dưa hấu gọi là Tây qua. Từ đó ta biết là dưa hấu đến từ phía Tây; nhưng tiếng Anh và tiếng Đức gọi là Water Melon hay Wassermelone là không đúng với nguyên ngữ rồi. Có lẽ do ai đó dịch sai từ lúc ban đầu. Ở Đức này, đặc biệt ở vườn chùa Viên Giác không trồng dưa hấu mà chỉ trồng bí rợ. Bác Sáu chọn giống bí sấp Việt Nam, trái nhỏ nhưng ăn rất ngọt. Có nhiều người tặng nhau ít dăm tặng bí. Vì sợ người đối diện không ưa nhận; hay bầu thì tự mua, chứ ít ai tặng bầu. Đây là những sự kiêng cử theo thói quen, chú ý nghĩa thì không phải vậy. Riêng nhà chùa thì không kiêng cử gì cả. Vì có phép nào hơn phép Phật đâu mà sợ xui xẻo. Ở đời hay tin dị đoan, chứ ở chùa thì không hẳn như thế. Tin ở Tam Bảo là đầy đủ chất liệu để ta đi đến chỗ giác ngộ giải thoát rồi. Còn dị đoan mê tín chỉ là những tín ngưỡng của dân gian mà thôi. Cách trồng bí rợ không khó như trồng bầu hay trồng khổ qua. Tôi ví bí rợ như con nhà nghèo, khi sinh ra bỏ lẩn lóc đó, khóc đã đời lại nín; chứ chẳng có người giữ trẻ để nuôi chiều dỗ dành như „cô bầu“, „cậu khổ qua“ kia. Trồng bí rợ mà cảm đến thân phận của tự thân,

phải tự phấn đấu vươn lên thì mới có đất sống, chứ chẳng có ai bắc giàn sẵn cho mình leo đâu. Phải tự tìm lấy mà bò.

Ngoài ra Bác Sáu cũng có trồng Zucchini của Đức; giống này là giống rau địa phương nên rất dễ trồng. Chỉ cần ương hạt ngoài trời trong khoảng tháng 5 chứ không cần ương trong nhà như bầu hay khổ qua. Zucchini trái lớn và dễ ăn. Mỗi ngày Bác hay hái cả xe cần xé chở vào bếp; quý cô sẽ kho hoặc nấu canh, ăn bùi bùi như khoai tây, không ngon lắm; nhưng là món dễ nấu. Suốt mùa Zucchini ra cả hàng năm bày trăm trái. Và lại ngoài chợ Đức cũng có bán nên ít người chú ý đến Zucchini này.

Rau răm, rau húng, ngò, cải bẹ xanh, tía tô, rau dền, rau mồng tơi, rau tần ô, v.v... mỗi loại rau đều có cách chăm sóc riêng của nó. Người Việt mình đa phần thích rau tần ô và cải bẹ xanh. Vì dễ ăn. Những loại này có thể ăn sống, hoặc luộc, hoặc chiên, hoặc xào, hoặc nấu canh đều được cả. Trong 3 đến 4 tháng của mỗi năm vào mùa hè, Bác Sáu thường gieo đến 4 hay 5 lần như thế. Lần nào cũng tốt, cũng xanh và ăn rất ngọt. Phân thì Bác dùng bã đậu nành và thân, lá cây đã được xay nhỏ. Thịnh thoảng mới thấy vài hột phân màu xanh hóa học; nhưng họa hoằn lắm Bác mới bỏ vào gốc. Vì lúc ấy chính là lúc Bác muốn thúc giục cho cây lên nhanh hơn để trúng mùa Phật Đản hay Vu Lan về, khi có khách hỏi mua mà không có thì cũng bị phiền, do đó Bác dùng phương tiện vậy.

Rau răm rất khó trồng; nhưng rau húng thì rất dễ. Chỉ cần bỏ phân tưới nước là rau lên. Mùa Đông không cần phải đem vào nhà; cứ để nguyên ngoài vườn và khi tuyết phủ lên bên trên cũng có nghĩa là rau húng và rau diếp cá đang có một giấc ngủ say suốt cả 5 tháng trường, để mùa xuân sang năm, những loại rau này tự động vươn mình lên khỏi tuyết để chào đón ánh thái dương và loài người cứ ngắm nghía theo sự trưởng thành ấy mà chọn làm thức ăn cho mình trong những tháng ngày đầu xuân có nắng trời ấm áp.

Rau dền đỏ thì cần để hạt giống cũng như rau xà-lách, nhằm sang năm có giống để gieo một hay nhiều lứa; nhưng ngược lại rau dền đại màu xanh thì không cần lấy hạt. Cây của năm trước trở bông rồi rớt hạt xuống đất. Cây con năm sau tự động mọc lên để cung ứng nhu cầu. Tuy là một loài rau dại nhưng ăn rất ngon, có vị bùi bùi và con người thường không thương mà cũng chẳng ghét. Có thể gọi rau này là rau Trung Đạo

chăng ?

Một loại rau nữa rất khó trồng ở xứ này, đó là: Rau muống. Tại sao gọi là rau muống thì tôi không biết. Không biết chữ này xuất xứ từ đâu và do ai đặt ra; chứ tiếng Nhật và tiếng Tàu đều gọi là: Không Tâm thái. Nghĩa là rau ruột rỗng. Có lẽ tiếng Tàu và tiếng Nhật có lý hơn. Chữ tiếng Việt chữ muống có „g” nó không có ý nghĩa gì cả. Ở Việt Nam đặc biệt là tại miền Bắc, rau muống vốn là món ăn bình dân thường nhật, chẳng có nhà nào mà không dùng đến. Miền Trung và miền Nam cũng thế. Nhưng rau muống ở Việt Nam đa phần là rau muống nước. Nghĩa là chúng sống thành từng bè trên mặt nước. Cứ đến ngày tháng là người ta cắt đọt đem ra chợ bán, độ nửa tháng sau lại nứt lên đọt mới. Cứ thế quanh năm suốt tháng chẳng cần phải trồng, cũng chẳng phải tưới nước bón phân. Còn rau muống ở đây muốn ăn vào mùa Đông thì đây là loại rau quý phái, dài các lắm đó. Hình như cả 10 US đô-la một ki-lô đấy! Cả gần 30 năm rồi tôi chưa đi chợ nên không biết thị trường giá cả; nhưng nghe đâu là như thế. Tôi thấy Bác Sáu đem hạt rau muống ra gieo vào đất khô, để trong thùng có đáy và đậy lại cho vào nhà kín. Lần đầu tôi thấy hơi lạ. Vì ăn rau muống đã mòn rãnh, có bao giờ thôi thấy được hạt rau muống đâu?! Bây giờ ở Đức này lại thấy. Quả là điều không bình thường. Độ 5 hay 7 ngày sau tôi quan sát thấy mầm rau muống đã trồi lên khỏi mặt đất và Bác để cho cao độ 1 tấc thì đổ nước vào. Rau muống cứ theo mặt nước mà vươn cao lên, cứ thế và cứ thế; khi đến độ dùng được thì Bác cắt vào cho nhà bếp. Mỗi năm Bác cắt độ 4 hay 5 kỳ. Mỗi kỳ chừng mấy kí-lô. Có lẽ rau muống khó trồng nên Bác ít chăm sóc loại rau này, vì tốn thì giờ cho nó nhiều quá mà thành quả chắc không bằng bầu, bí cũng nên.

Một loại đậu địa phương – đó là đậu que và đậu đỏ cũng được Bác trồng bên hàng rào của chùa. Đậu ăn không ngon lắm; nhưng cũng là món ăn giặm cho chùa rất thường thấy. Đậu này ương thẳng vào mặt đất vào khoảng tháng 5 và sau đó đậu phát triển nhanh, cho lá, hoa và nụ. Trong mỗi năm cô Hạnh Châu, cô Hạnh Ân mỗi ngày đều hái và theo tôi nghĩ chắc cũng có cả trăm kí-lô là ít.

Vườn chùa Viên Giác tuy nhỏ; nhưng cây trái đều nhiều. Đây là do công chăm sóc đặc biệt của Bác Sáu và tiếp đến là Bác Hoàn. Còn anh Thiện Lượng thì chăm sóc bên Cốc Vô Học. Mỗi năm vào dịp Xuân, Hạ, Thu chùa Viên Giác ít tốn tiền chợ để mua rau. Vì đã có vườn chùa cung

cấp. Lượng rau không nhỏ để cung cấp cho 30 đến 50 người dùng hằng ngày, thì đây đúng là „nhân nào quả ấy” như trên tôi đã trình bày. Vì cái nhân là tạo dựng cho chùa có một vườn cây cảnh đẹp và cái quả là cây trái phủ phê, ăn, cho, biếu để huê mà hoa lợi nhà chùa vẫn ngày càng tăng chứ không có giảm. Cũng chính cái nhân, vì tôi là một người tu nhưng thuộc gốc gác nhà quê của quê hương xứ Quảng, nên rất say mê với cây cảnh ruộng đồng. Tôi đoán quyết rằng nếu không có những gốc rạ quê hương đó thì ngày nay tôi đã chẳng phải là tôi trong hiện tại.

Viết như thế để nghĩ và nhớ về những người đã có công mang đến cho ta cái ăn, cái mặc. Trong đó sự nhớ ân và tri ân không thể nào thiếu được đối với kẻ tu hành như chúng tôi. Viết cũng để nhớ về cha và mẹ, hai đấng sinh thành đã khuất bóng. Người cũng từ gốc rơm, bờ gậu mà nuôi con tu học thành người. Viết để nhớ về Thầy, một con người dũng khí, lúc nào cũng trời lên khỏi sự áp bức và bất công. Viết để nhớ về những người anh, người chị đã và đang trải dài tấm lưng của mình dưới ánh nắng của quê hương, để được sống còn và đã có cái ăn cái mặc. Viết để nhớ lại những người nông dân xứ Quảng chân lấm tay bùn, suốt đời tận tụy vì chồng, vì con, vì gia đình, vì xã hội, đã làm lụng bằng chân tay, hy sinh mồ hôi và sức lực của mình để chan rưới cho ruộng đồng thêm màu mỡ. Nhờ đó mà những kẻ sĩ dẫn đầu đất nước mới có cái ăn để thành người. Ngày xưa Nguyễn Công Trứ bảo rằng: „*Nhứt sĩ, nhì nông*”; nhưng Trần Tế Xương đã bảo rằng: „*Hết gạo chạy rông, nhứt nông nhì sĩ*”. Nếu có sĩ mà không có nông cũng không được; ngược lại cũng như thế. Tuy xã hội có chia ra nhiều giai cấp khác nhau; mỗi người làm mỗi nhiệm vụ khác nhau; nhưng mục đích giống nhau là làm sao cho con người thoát ra khỏi cảnh đói nghèo, cơ cực. Trong khi đó Đức Phật lại chủ trương „Phật tánh giống nhau”. Do vậy mà con người vốn tầm thường nhỏ bé; nhưng cũng đã làm nên lịch sử phi thường, đầu cho đó là kẻ chăn trâu, người cày ruộng, kẻ làm vườn, hay những người dân quê mộc mạc khác.

Tôi vốn quan niệm rằng: „Phi cổ bất thành kim”. Nghĩa là không có cái cũ thì sẽ không có cái mới ngày hôm nay. Nếu kẻ nào đó chỉ „chọn mới, nới cũ” quả thật kẻ ấy đã mất đi cái niệm tri ân với những người đã sinh ra trước mình đã chịu khổ cực để cho mình được sống, được làm người và nhất là được an hưởng những lợi tức, những kết quả mà người xưa hay người đi trước đã truyền thừa lại.

Viết để nhớ lại chính mình là một đứa bé nhà quê, lấy bầu trời rộng rãi của quê hương làm chỗ ngao du sơn thủy. Lấy đất Tổ quê cha làm chỗ dựa lưng cho cuộc sống của ngày hôm nay; đứa bé ấy đã có lần chăn trâu, chăm nón, đập lúa, giã gạo, làm đậu hủ, xe nhang, đập xe đập, lái xe hơi. Đi từ chỗ bùn lầy nước đọng của quê hương xứ Quảng để đi đến chốn phồn hoa đô hội của thị thành như: Phố Hội An, Đà Nẵng, Sài Gòn, Tokyo, Frankfurt, Berlin, Hannover, Paris, London, Sydney, Canberra, New York, Los Angeles, Cairo, Tunis, v.v... đi để rồi đến, đến để rồi đi. Thật ra vòng sanh tử tử sanh ấy chẳng có gì để đáng chê, đáng trách; mà đúng hơn là đáng cảm ơn, niệm ân những người đã vì mình mà hy sinh, tạo dựng để chúng ta có cơ hội tiếp nối việc truyền thừa ấy suốt trong dòng lịch sử mà thôi.

Bác Sáu làm vườn của Viên Giác là người tượng trưng cho nhiều Bác Sáu như thế của quê hương chúng ta, của đất khách quê người. Nơi đâu cũng có những con người hy sinh như thế mà đã không đòi hỏi một chút đền bù. Dầu cho đó là một sự đền ơn nhỏ nhoi nhất. Riêng tôi chỉ có nụ cười khi tiếp chuyện; sự niệm ơn khi dùng đến rau trái. Sự tưởng niệm khi nhớ đến và nghĩ về những người đã trực tiếp hoặc gián tiếp lo cho mình có cái ăn cái mặc để sống còn mà làm cái bổn phận của con tằm thì phải nhả tơ. Nếu tằm ăn dâu mà chỉ thừa thải ra những cặn bã là dâu nguyên chất thì chẳng có ích lợi gì cho đời cả. Chính dâu kia, qua miệng tằm, sau khi tiêu thụ phải chuyển tải thành những cái kén và trở thành những sợi tơ, để dệt nên những gấm hoa vàng sáng chói, óng ả trong cuộc đời thì sự chuyển hóa ấy mới có ý nghĩa và mong rằng trong chúng ta ai ai cũng sẽ được như vậy.-

